

Số: /KH - UBND

Định Tân, ngày tháng 12 năm 2025

**KẾ HOẠCH**  
**Phát triển ngành trồng trọt xã Định Tân năm 2026**

**Phần thứ nhất**  
**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN TRỒNG TRỌT NĂM 2025**

Sản xuất Trồng trọt xã Định Tân diễn ra trong điều kiện thuận lợi như dịch bệnh trên cây trồng được kiểm soát chặt chẽ; các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về nông nghiệp, nông thôn, nông dân ban hành tiếp tục hỗ trợ hiệu quả cho phát triển sản xuất trồng trọt; sự nỗ lực cố gắng của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và bà con nông dân. Đặc biệt, công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp đã chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025, đây là một cải cách hành chính cấp quốc gia mang tầm vóc to lớn, mở ra chương mới cho lịch sử địa phương, xây dựng nền hành chính tinh gọn, hiện đại, tạo đòn bẩy kiến tạo không gian phát triển mới, tiềm năng mới, lợi thế mới cho địa phương, các lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực trồng trọt và BVTV.

Tuy nhiên, bên cạnh những thời cơ, thuận lợi sản xuất trồng trọt năm 2025 cũng gặp không ít những khó khăn, thách thức như: điều kiện khí hậu, thời tiết diễn biến phức tạp; thiên tai nhiều; tình hình xung đột trên thế giới vẫn khá phức tạp, sự bất ổn của hệ thống tài chính trên thế giới, giá vật tư đầu vào vẫn ở mức cao,... Song, dưới sự chỉ đạo tập trung của Đảng uỷ, HĐND, UBND xã Định Tân, sự phối hợp tích cực của các cấp, các ngành, sự nỗ lực của các HTX dịch vụ Nông Nghiệp và sự tin tưởng, ủng hộ của các tầng lớp Nhân dân, lĩnh vực sản xuất trồng trọt xã Định Tân năm 2025 đã đạt được kết quả nhất định, cụ thể như sau:

**I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC.**

**1. Kết quả về diện tích, năng suất, sản lượng, giá trị.**

Tổng diện tích gieo trồng năm 2025 ước đạt 4.420,3 ha, đạt 100% so với kế hoạch (KH) và giảm 2,3 ha so với cùng kỳ năm 2024 (CK). Trong đó: vụ Đông 524,5 ha, đạt 101,8% KH, bằng 100% so với CK; vụ Đông Xuân 1.957,2 ha, đạt 100% KH, bằng 199,9% so với CK; vụ Thu Mùa đạt 1.938,3 ha, đạt 101,4% KH, bằng 99,8% so với CK.

- Diện tích, năng suất, sản lượng các cây trồng chính đạt: Lúa: diện tích 3177,9 ha, bằng 100,5 % KH, bằng 99,5% so với CK; năng suất lúa ước đạt 65,95 tạ/ha (vụ Chiêm Xuân đạt 72,5 tạ/ha, vụ mùa đạt 59,4 tạ/ha), bằng 99,51% kế hoạch; tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 20.949,6 tấn, bằng 100% kế

hoạch; Ngô: diện tích 37.045 ha, đạt 92,6% KH, 96,2% so CK; Ớt 145 ha ; Rau màu các loại: 536,1 ha ; Cây công nghiệp hàng năm: 25 ha.

- Tổng giá trị sản phẩm năm 2025 (theo giá hiện hành) đạt 559.701 triệu đồng, bằng 100% kế hoạch;

- Giá trị sản phẩm trồng trọt trên 01 ha canh tác ước đạt 182,25 triệu đồng/ha/năm (giá hiện hành), tăng 2 triệu đồng/ha/so với năm 2024.

Hiệu quả, lợi nhuận trong sản xuất trồng trọt đạt khá, nhất là trên những cây trồng chủ lực của xã, điển hình như: sản xuất lúa gạo lợi nhuận đạt từ 20- 35 triệu đồng/ha/vụ bình 30 triệu đồng/ha, đặc biệt diện tích được sản xuất rau an toàn 125 triệu đồng/ha/lúa; Ớt xuất khẩu 195 triệu/ha.

Tốc độ tăng trưởng (VA) lĩnh vực trồng trọt ước đạt 1,5%, góp phần vào tăng trưởng toàn ngành đạt kế hoạch đề ra. Trong đó, những sản phẩm có tốc độ tăng trưởng đạt khá là lúa gạo (lúa nếp, lúa chất lượng), các loại rau, quả giá trị cao (khoai tây, ớt, dưa, dưa vàng, dưa lưới,...)

## **2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển ngành trồng trọt năm 2025.**

- Kết quả tích tụ, tập trung ruộng đất: Năm 2025, diện tích tích tụ tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao năm 2025 ước đạt 75 ha (đạt 122,95% KH cả năm).

- Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa tiếp tục được triển khai thực hiện, đã chuyển đổi linh hoạt diện tích đất trồng lúa năng suất, hiệu quả thấp sang cây trồng khác. Chương trình quản lý mã số vùng trồng nội địa, vùng trồng xuất khẩu tiếp tục được quan tâm. Lũy kế đến nay, xã đã quy hoạch được cấp mã vùng phục vụ xuất khẩu với diện tích 25 ha với 04 vùng sản xuất<sup>1</sup>; 02 vùng sản xuất đạt tiêu chuẩn Vietgap; phát triển một số mô hình trồng cây ăn quả gắn với nuôi trồng thủy sản<sup>2</sup>... mang lại giá trị hiệu quả kinh tế cao.

- Về chương trình thực hiện thí điểm mô hình sản xuất lúa, tạo tín chỉ carbon năm 2025: Đã phối hợp với Công ty TNHH Green Carbon triển khai thí điểm dự án “Tạo tín chỉ Carbon trong sản xuất lúa” với quy mô 506 ha<sup>3</sup> trên địa bàn các Thôn: Yên Định; Lang Thôn; Yên Hoành; Ái Thôn....;

## **3. Kết quả phát triển liên kết sản xuất, chế biến và xuất khẩu nông sản**

Diện tích các cây trồng sản xuất tập trung gắn với ký kết hợp đồng liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm 25 ha<sup>4</sup> cụ thể như lúa F1; ớt ; Xả ...

Các sản phẩm trồng trọt của xã chủ yếu tiêu thụ thị trường trong xã, trong tỉnh, xuất khẩu còn thấp. Một số sản phẩm như gạo, ớt tươi, ớt đông lạnh, ... đã xuất khẩu sang một số thị trường Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản,

<sup>1</sup> Trong đó, có 03 mã vùng trồng ớt xuất khẩu, 01 mã vùng trồng lúa; 01 mã vùng rau an toàn bầu bí.

<sup>2</sup> Mô hình trồng cây ăn quả gắn với nuôi trồng thủy sản ở các thôn Mỹ Lạc; Thôn Yên Thôn; Yên Hoành; ....

<sup>3</sup> Thôn Yên Định; Thôn Yên Hoành: 106 ha; HTX NN Định Tiến 200 ha; HTXNN Định Hải 200 ha;

<sup>4</sup> Vùng lúa f1 thôn Tam Đồng 10 ha; rau ăn toàn thôn Tân Long 5 ha; thôn Yên Hoành 3 ha; vùng ớt xuất khẩu thôn Hồ Thôn; Duyên Hy 7 ha;

EU,...nhưng sản lượng còn thấp, giá trị chưa cao, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và chưa bền vững.

#### **4. Phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, tăng trưởng xanh có chuyển biến tích cực**

Gắn với việc xây dựng quy hoạch tỉnh Thanh Hoá, định hướng phát triển ngành nông nghiệp; các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, các sản phẩm nông nghiệp chủ lực trên địa bàn tỉnh đã được xác định; từ đó tạo điều kiện để ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ, tuần hoàn, sinh thái, giảm phát thải, tăng trưởng xanh... nhằm nâng cao giá trị gia tăng và hiệu quả sản xuất trồng trọt. Điển hình là: vùng thâm canh lúa năng suất chất lượng cao với quy mô, vùng sản xuất rau quả chuyên canh...

Ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, thông minh và nông nghiệp hữu cơ được quan tâm phát triển thông qua việc chọn tạo nghiên cứu, du nhập nhiều giống cây trồng mới, cơ giới hóa, quy trình kỹ thuật canh tác tiên tiến, thu hoạch, bảo quản, sơ chế, chế biến sâu được quan tâm, các tiêu chuẩn, quy chuẩn dần được chuẩn hóa và áp dụng ngày càng nhiều.

#### **5. Công tác quản lý nhà nước và dịch vụ công được tăng cường và đạt hiệu lực, hiệu quả cao**

Kế hoạch, phương án sản xuất từ xã đến các Thôn được xây dựng và triển khai sớm với các chỉ tiêu, mục tiêu và giải pháp cụ thể; cơ cấu giống cây trồng, vùng trồng phù hợp được hướng dẫn chi tiết; quy trình kỹ thuật canh tác tiên tiến được phổ biến rộng rãi trên nhiều kênh thông tin và hình thức khác nhau, tạo điều kiện cho nông dân tiếp cận và ứng dụng.

Công tác kiểm tra, quản lý nhà nước về giống cây trồng, vật tư nông nghiệp được tăng cường cả về số cuộc, số lượt được kiểm tra, xử lý vi phạm kịp thời, nghiêm minh, qua đó hạn chế thấp nhất việc đưa các loại giống, vật tư kém chất lượng vào sản xuất.

Công tác bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật được tăng cường và đạt kết quả cao. Công tác thiết lập, xây dựng và duy trì Mã số vùng trồng đảm bảo yêu cầu của thị hiếu người tiêu dùng trong nước và quốc tế; lượng thuốc BVTV dùng trên đồng ruộng tiếp tục giảm so với những năm trước đây, qua đó đã giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng nông sản, góp phần bảo vệ môi trường, sức khỏe đất, nước và sức khỏe cây trồng.

Dịch vụ thủy lợi, dịch vụ khuyến nông, tiếp tục được quan tâm, đổi mới hình thức tiếp cận, qua đó đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất đồng thời tạo được những mô hình sản xuất hiệu quả giảm chi phí, tăng lợi nhuận làm cơ sở nhân ra diện rộng.

Hợp tác xã nông nghiệp đã phát huy được vai trò trong việc kết nối giữa doanh nghiệp với nông dân, tổ chức thực hiện tốt sản xuất, các dịch vụ sản xuất như cung ứng giống vật tư, hướng dẫn kỹ thuật, dịch vụ làm đất, mạ khay, máy cấy, máy thu hoạch, đứng ra thu mua, bao tiêu nông sản cho người sản xuất.

## **6. Các cơ chế chính sách tiếp tục được triển khai, tạo nguồn lực và động lực khuyến khích phát triển trồng trọt.**

Các cơ chế chính sách, nhất là các chính sách khuyến khích phát triển trồng trọt của tỉnh; huyện đã ban hành tiếp tục được triển khai hiệu quả thông qua việc giao kế hoạch và vốn sớm, tăng cường đôn đốc, kiểm tra giám sát, hỗ trợ đúng đối tượng, kịp thời đã trở thành nguồn lực quan trọng hỗ trợ sản xuất và khuyến khích sự quan tâm đầu tư của các doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân. Các chính sách của tỉnh đã được triển khai, hướng dẫn thực hiện, rà soát kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, điều chỉnh các Nghị quyết về chính sách để phù hợp với tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Chính sách của nhà nước được doanh nghiệp và người dân đồng tình ủng hộ; triển khai thực hiện tích cực, có hiệu quả; góp phần đưa nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn, sản phẩm đa dạng, phong phú; đời sống vật chất và tinh thần của người dân được cải thiện; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

## **II. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN**

### **1. Tồn tại hạn chế:**

- Sản xuất trồng trọt ứng dụng công nghệ cao và hữu cơ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế, chưa đạt mục tiêu, chỉ tiêu đề ra, chưa có nhiều các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, có thương hiệu mạnh; các sản phẩm xuất khẩu còn hạn chế cả về chủng loại và số lượng, thiết lập và xây dựng mã số vùng trồng còn chậm và ít, chưa thực sự được quan tâm với mục tiêu phát triển trồng trọt.

- Các loại vật tư, phân bón thuốc BVTV vẫn còn một số sản phẩm chưa đảm bảo chất lượng, thậm chí hàng kém chất lượng và quá hạn sử dụng vẫn còn lưu thông trên thị trường.

- Công tác bảo vệ thực vật, nhất là điều tra bổ sung, chỉ đạo phòng trừ sâu bệnh có lúc, có nơi còn chưa kịp thời, gây thiệt hại cục bộ; việc tổ chức phòng trừ chuốt thực hiện chưa đồng loạt....

### **2. Nguyên nhân**

- Tình hình thế giới tiếp tục có những biến động làm ảnh hưởng đến việc nhập khẩu nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất cũng như xuất khẩu nông sản trong tỉnh và trong xã.

- Quy mô sản xuất, hình thức tổ chức sản xuất tuy đã có chuyển biến nhưng nhìn chung vẫn còn nhỏ lẻ, mang tính hộ gia đình, cá nhân; liên kết trong sản xuất chưa thật sự bền chặt, chuỗi giá trị chưa khép kín. Ảnh hưởng của thiên tai năm 2025 diễn biến phức tạp, chịu tác động của nhiều đợt ảnh hưởng khác nhau, trong đó ảnh hưởng của bão số 3, 5, 6,9, 10 gây mưa lớn, ngập úng, thiệt hại đúng vào các thời điểm quyết định đến sản xuất vụ Mùa.

- Khối lượng công việc ở cơ sở nhiều; năng lực dự báo xu thế phát triển sản xuất còn hạn chế, vai trò của các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp ở địa phương chưa được phát huy nhất là việc tổ chức sản xuất, tìm kiếm thị trường.

## **Phần thứ hai**

### **KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH TRỒNG TRỌT NĂM 2026**

#### **I. DỰ BÁO THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN**

##### **1. Thuận lợi:**

- Năm 2026 là năm có ý nghĩa quan trọng, tạo tiền đề, nền tảng vững chắc cho việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030. Thành công của Đại hội Đảng bộ các cấp tạo khí thế mới trong thi đua phát triển kinh tế - xã hội nói chung và ngành trồng trọt nói riêng. Bên cạnh đó, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật cơ bản hoàn chỉnh, các cơ chế chính sách tiếp tục được sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện sát đúng với tình hình thực tế và tiếp tục được triển khai tác động thuận lợi, thúc đẩy phát triển sản xuất trồng trọt.

- Trong nhiều năm qua, sản xuất trồng trọt luôn dành thắng lợi cả về diện tích, năng suất, sản lượng, chất lượng và giá trị, tạo ra động lực, niềm tin; đồng thời tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong chỉ đạo tổ chức phát triển sản xuất từ xã đến thôn.

- Các vùng sản xuất trồng trọt, nhất là sản xuất nguyên liệu, sản phẩm chủ lực được định hình rõ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ gắn với liên kết, chế biến và tiêu thụ đã chứng minh hiệu quả là cơ sở để xác định rõ đối tượng, phạm vi và định hướng phát triển.

- Các hoạt động dịch vụ phục vụ sản xuất ngày càng đáp ứng tốt hơn yêu cầu của sản xuất; hạ tầng cơ sở, nhất là các công trình thủy lợi, giao thông nội đồng đã và đang được đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp đưa vào sử dụng ngày càng có hiệu quả.

- Giá nông sản có xu hướng tăng, nhất là lúa gạo cùng với việc thị trường nông sản tiếp tục mở rộng, hội nhập sâu cả trong nước và quốc tế tạo động lực cho nhà đầu tư, người sản xuất cơ hội đầu tư sản xuất trồng trọt.

##### **2. Khó khăn, thách thức**

- Ảnh hưởng của thiên tai, biến đổi khí hậu khó lường, nguy cơ gây ra những thiệt hại lớn cho ngành nông nghiệp nói riêng, kinh tế xã hội nói chung trên địa bàn tỉnh; vật tư nông nghiệp như phân bón, thuốc BVTV có nguy cơ biến động lớn cả về số lượng và giá cả.

- Sâu bệnh trên cây trồng tiếp tục sẽ có những diễn biến phức tạp, nhất là sau ảnh hưởng của cơn bão và đợt thiên tai; nhiều đối tượng dịch hại có nguy cơ phát sinh thành dịch nếu không được quản lý hiệu quả.

- Quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, khả năng thu hút doanh nghiệp đầu tư còn hạn chế sẽ gây khó khăn thách thức khi tổ chức sản xuất để đáp ứng yêu cầu chất lượng tiêu chuẩn nông sản ngày càng cao. Từ đó, nông sản khó có thể nâng cao giá trị gia tăng và tham gia vào thị trường thế giới.

#### **II. MỤC TIÊU**

##### **1. Mục tiêu chung**

Phát triển trồng trọt theo hướng hàng hóa, quy mô lớn, giá trị gia tăng cao gắn với xây dựng thương hiệu sản phẩm. Tiếp tục đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai theo Nghị quyết số 13 NQ/TU ngày 11/01/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVIII); Hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch theo Nghị quyết 19/NQ-TW ngày 16/6/2022 của BCH Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Xây dựng và nhân rộng các mô hình chuỗi liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và hộ dân trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo chiều sâu. Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng; nâng cao năng suất, sản lượng và giá trị sản phẩm trồng trọt.

## **2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể**

- Sản lượng lương thực ổn định ở mức 22,552 tấn.
- Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao năm 2026 tăng thêm 61 ha trở lên; trong đó diện tích sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao đạt 10 ha trở lên.
- Giá trị sản phẩm trồng trọt trên 01 ha canh tác đạt 184,27 triệu đồng trở lên.

Các chỉ tiêu chính: Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm 4.300 ha; trong đó: vụ Đông 540 ha, vụ Đông Xuân 2.010 ha, vụ Thu Mùa 1.750 ha, trong đó: Cây lúa: diện tích gieo trồng 3.100 ha, năng suất bình quân 73,5 tạ/ha, sản lượng 22.785 tấn; Cây ngô: diện tích gieo trồng 400 ha, năng suất bình quân 47,5 tạ/ha, sản lượng 1.900 tấn; Lạc diện tích gieo trồng 10 ha, năng suất bình quân 35 tạ/ha, sản lượng 35 tấn; Rau đậu các loại: diện tích 680 ha, năng suất bình quân 134,9 tạ/ha, sản lượng 9 173,2 tấn; Còn lại diện tích cây trồng khác.

*(Chi tiết có Phụ lục 1,2 kèm theo)*

Diện tích cây ăn quả tập trung lũy kế đến năm 2026 đạt 186 ha (*tăng 5 ha so với năm 2025*), tập trung các loại cây ăn quả có giá trị cao, gắn với chế biến như xoài, dứa, cam, bưởi, thanh long, vải, nhãn.

## **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

### **1. Nhiệm vụ**

#### ***1.1. Xây dựng kế hoạch***

Rà soát, phối hợp tham mưu xây dựng các chỉ tiêu của cả nhiệm kỳ 2026-2030 và mục tiêu cụ thể phát triển lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật năm 2026, đảm bảo phù hợp với tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Xây dựng kế hoạch từng mùa vụ cụ thể: Vụ Đông; Vụ Xuân; Vụ Mùa.

#### ***1.2. Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng, phát triển bền vững.***

- Tiếp tục triển khai các đề án, kế hoạch, chương trình của tỉnh đã ban hành: Đề án phát triển cây ăn quả tập trung theo Quyết định 198/QĐ-UBND ngày 12/01/2022; Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ theo Quyết định 3089/QĐ-UBND ngày 07/1/2022; Kế hoạch 260/KH-UBND của UBND tỉnh về

phát triển nông nghiệp công nghệ cao, thông minh theo chuỗi giá trị; Thực hiện Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Kế hoạch 254/KH-UBND ngày 26/12/2024 của UBND tỉnh; Kế hoạch số 164/KH-UBND ngày 26/7/2024 của UBND tỉnh về phát triển sản xuất và sử dụng phân bón hữu cơ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030; Kế hoạch số 193/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về thực hiện Chương trình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Kế hoạch số 64/KH-SNNMT ngày 08/10/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về thực hiện Đề án phát triển sản xuất và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050.

- Thực hiện quản lý diện tích vùng lúa thâm canh, năng suất, chất lượng, hiệu quả cao trên địa bàn; Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ cao trong: Sản xuất trồng trọt, sử dụng giống cây trồng; sản xuất và sử dụng phân bón hữu cơ; sản xuất và sử dụng thuốc BVTV sinh học; kiểm soát vệ sinh ATTP.

- Tăng cường công tác quản lý trồng trọt gắn với cải cách hành chính; Rà soát để thực hiện việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, hạn chế thấp nhất việc bỏ vụ, bỏ ruộng.

- Đẩy mạnh phát triển thị trường nông sản gắn với việc phát triển thương hiệu: Xây dựng thương hiệu cho sản phẩm đặc sản, gắn với nguồn gốc địa lý đã trở thành một chiến lược quan trọng nhằm phát huy lợi thế đa dạng về điều kiện tự nhiên, góp phần thúc đẩy sự phát triển hoạt động sản xuất, thương mại và nâng cao giá trị cho sản phẩm nông sản của xã.

- Tiếp tục xây dựng, duy trì, giám sát mã số vùng trồng nội địa và xuất khẩu, mở rộng thị trường xuất khẩu. Đẩy mạnh liên kết sản xuất, hình thành các vùng sản xuất tập trung gắn với cấp mã số vùng trồng nội địa và xuất khẩu. Đảm bảo uy tín, xây dựng thương hiệu cho nông sản xã nhà chiếm lĩnh thị trường trong tỉnh, trong nước cũng như xuất khẩu.

- Tăng cường công tác hướng dẫn, giám sát quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất trồng trọt; đưa giống mới vào sản xuất trồng trọt; tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ, thuốc BVTV sinh học.

- Tăng cường công tác điều tra dự tính dự báo các đối tượng dịch hại trên cây trồng; công tác kiểm tra, giám sát vật tư, hàng hóa đảm bảo chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm; công tác tham mưu giải pháp phòng chống sinh vật gây hại.

### ***1.3. Tập trung phát triển các sản phẩm trồng trọt trọng tâm, có lợi thế***

*Đối với sản xuất lúa gạo:* Tiếp tục chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu giống theo hướng lựa chọn các giống có năng suất, chất lượng cao; tiếp tục đẩy mạnh sản xuất lúa nếp, đặc biệt quan tâm vùng lúa chất lượng cao; xây dựng kế hoạch tiếp nhận và triển khai chương trình sản xuất lúa gạo giảm phát thải khí nhà kính (dự kiến trong năm 2026 đạt khoảng 600ha); tập trung xây dựng vùng sản xuất lúa Thụy Hương với 20 ha xứ Đồng Cồn Cheo; Đồi thôn Mỹ Lạc; Mô hình lúa CoJ với 17 ha tại xứ đồng Cầu Bấu, thôn Yên Định.

*Đối với sản xuất cây ăn quả:* Tập trung phát triển vùng cây ăn quả gắn với nguyên liệu cho các nhà máy chế biến: Dứa, chuối, xoài và các sản phẩm có thị trường tiêu thụ tốt: vải không hạt, nhãn hương chi, ổi, na...

*Đối với sản xuất rau củ quả thực phẩm:* Trước mắt, tranh thủ lợi thế trong vụ Đông mở rộng tối đa diện tích rau vụ đông kể cả rau ăn lá và rau ăn củ, quả, tập trung vào các sản phẩm: cải các loại, dưa chuột, bí xanh, ngô rau, ngô ngọt, ớt...; đối với các vụ Xuân và vụ Mùa cần lựa chọn phát triển một số sản phẩm có thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu tốt trong thời gian qua như: ớt, dưa chuột, ngô ngọt, khoai tây.

## **2. Giải pháp**

### ***2.1. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền***

Quán triệt sâu sắc vai trò, ý nghĩa của phát triển nông nghiệp nói chung và ngành trồng trọt nói riêng, vừa là nền tảng vững chắc cho sự phát triển kinh tế xã hội, vừa là trụ cột quan trọng trong đảm bảo an ninh lương thực, nâng cao giá trị thu nhập, bảo vệ môi trường, xây dựng thương hiệu nông sản, từ đó có hình thức, nội dung tuyên truyền sâu rộng đến cán bộ, Nhân dân và công đồng doanh nghiệp tham gia có hiệu quả vào phát triển trồng trọt.

Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về các chủ trương, cơ chế, chính sách về phát triển nông nghiệp. Tuyên truyền, hướng dẫn các quy định về sản xuất an toàn, sản xuất ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, thân thiện môi trường để người dân, doanh nghiệp hưởng ứng, ứng dụng vào thực tiễn; các mô hình phát triển sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao, điển hình tiên tiến trong sản xuất, chế biến, kinh doanh lĩnh vực trồng trọt; tạo động lực cho người sản xuất mạnh dạn đầu tư, phát triển sản xuất nông nghiệp, phát huy điều kiện và lợi thế của địa phương.

### ***2.2. Tăng cường chỉ đạo, điều hành, nâng cao vai trò, hiệu lực quản lý nhà nước và phát triển các dịch vụ công***

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt thực hiện phát triển sản xuất trồng trọt, tập trung vào việc nâng cao vai trò công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất trồng trọt trên địa bàn xã. Trong đó, tập trung quản lý đối với các hoạt động chuyển đổi cơ cấu cây trồng; tích tụ tập trung đất đai, hợp đồng liên kết và tiêu thụ nông sản; dịch vụ về vật tư phân bón, giống cây trồng và vật tư khác; dịch vụ cơ giới hóa làm đất, gieo cấy, thu hoạch, vận chuyển, phơi sấy,...; các dịch vụ công như điều hành công tác thủy lợi, tưới, tiêu, dự tính, dự báo sinh vật gây hại; dịch vụ về chuyên gia tiến bộ khoa học, công nghệ,...

Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng giống cây trồng, sản phẩm phân bón trong sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, phân bón trên địa bàn, đảm bảo chất lượng theo quy định xử phạt hành chính về trồng trọt theo Nghị định của Chính phủ: số 31/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023, số 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025.

### ***2.3. Tăng cường liên kết sản xuất, hình thành chuỗi giá trị nông sản***

Lựa chọn các sản phẩm chủ lực và có lợi thế của địa phương. Kết nối, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực sản xuất trồng trọt; thực hiện tốt việc khảo sát, dự báo thị trường hình thành các chuỗi liên kết sản xuất bền vững, sản xuất theo hợp đồng, đáp ứng nhu cầu thị trường; quan tâm chế biến, xây dựng thương hiệu và quảng bá sản phẩm.

Cấp ủy, chính quyền cần tích cực tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư vào liên kết sản xuất; xây dựng cơ chế thu hút các doanh nghiệp hợp tác đầu tư sản xuất, bao tiêu sản phẩm cho nông dân để nâng cao hiệu quả, tăng thu nhập cho cả nông dân và doanh nghiệp. Tập trung chỉ đạo sản xuất theo hướng đảm bảo chất lượng ATTP, thông qua đó kích cầu tiêu dùng, tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm trồng trọt.

Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế tập thể bao gồm tổ hợp tác và hợp tác xã. Nhân rộng mô hình liên kết giữa HTX, hộ nông dân với doanh nghiệp và các đối tác kinh tế khác trong việc tổ chức sản xuất và tiêu thụ nông sản trên cơ sở cùng có lợi.

#### ***2.4. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật***

Khuyến khích ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, nhất là áp dụng khoa học công nghệ cho các vùng sản xuất trồng trọt tập trung để nâng cao hiệu quả sản xuất; khuyến khích doanh nghiệp chuyên giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật cho nông dân; bên cạnh đó cần nâng cao năng lực giám sát và dự báo, phòng trừ hiệu quả sâu bệnh trên cây trồng. Tập trung ứng dụng khoa học kỹ thuật đối với nhóm cây trồng sản phẩm chủ lực của tỉnh, như gạo, rau, quả, sắn và các sản phẩm từ sắn, cao su, mía đường, cây thức ăn chăn nuôi, cây dược liệu.

Mở rộng phạm vi, địa bàn ứng dụng các loại hình công nghệ cao, có hiệu quả từ thực tiễn, đặc biệt là tại các địa bàn chưa có điều kiện tiếp cận công nghệ để rút ngắn chênh lệch về trình độ canh tác giữa các vùng; đồng thời, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông minh, tự động hóa tại các vùng sản xuất chuyên canh.

#### ***2.5. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các cơ chế chính sách khuyến khích phát triển sản xuất***

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế chính sách từ nguồn vốn của Trung ương, chính sách bảo vệ phát triển đất trồng lúa; các chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành trong giai đoạn 2026-2030.

- Nghiên cứu ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ của xã đối với phát triển nông nghiệp trên địa bàn, như: Chính sách hỗ trợ tích tụ đất đai, sản xuất nông nghiệp quy mô lớn ứng dụng công nghệ cao; chính sách hỗ trợ giống hoa màu;...

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Phòng Kinh Tế**

- Xây dựng, triển khai phương án sản xuất vụ Đông, vụ Xuân và vụ Thu Mùa năm 2026; đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn các thôn triển khai thực hiện Kế hoạch sản xuất ngành trồng trọt năm 2026; theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết,

sinh trưởng phát triển của cây trồng để kịp thời chỉ đạo sản xuất; thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước đối với các loại vật tư nông nghiệp. Báo cáo, tham mưu kịp thời cho UBND xã, Chủ tịch UBND xã, Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách ngành trong các trường hợp cần thiết để tăng cường chỉ đạo các thôn, các ngành thực hiện các giải pháp nhằm đảm bảo sản xuất đạt kết quả cao.

- Chỉ đạo, điều hành thực hiện tốt các khâu dịch vụ phục vụ sản xuất trồng trọt; tập trung vào công tác thủy lợi đảm bảo tưới tiêu kịp thời, công tác phòng trừ sâu bệnh, công tác chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện các Đề án, dự án, kế hoạch đã được phê duyệt.

- Phối hợp với các HTX và khuyến nông viên cơ sở triển khai tập huấn kỹ thuật cho bà con nông dân tại các đơn vị thôn, đồng thời tổ chức khảo nghiệm, trình diễn các giống cây trồng mới có năng suất cao, chất lượng tốt nhằm tạo ra sự đột phá về năng suất, sản lượng và hiệu quả kinh tế, làm tốt công tác dự tính dự báo tình hình sâu bệnh hại cây trồng các vụ trong năm để khuyến cáo và hướng dẫn các biện pháp phòng trừ kịp thời.

- Tiếp tục phối hợp với các đơn vị để thiết lập các vùng trồng, cấp mã vùng trồng mới cho các loại cây xuất khẩu, tổ chức tập huấn, triển khai công tác kiểm soát dịch bệnh thực vật cho cây trồng năm 2026.

### **3. Phòng Văn hóa - Xã hội; Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã**

Tổ chức tốt công tác tuyên truyền, khuyến cáo, để nông dân hiểu rõ vai trò của sản xuất ngành trồng trọt năm 2026 để nhân dân biết, tham gia thi đua sản xuất giành thắng lợi cả về diện tích, năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế.

### **4. Các Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp**

- Phối hợp với Công ty TNHH MTV thủy lợi Nam Sông Mã, chi nhánh Thủy nông Yên Định chuẩn bị đầy đủ nguồn nước tưới, tiêu phục vụ sản xuất, kịp thời cung ứng nước đảm bảo cho nhân dân gieo trồng năm 2026.

- Chủ động thực hiện tìm kiếm thị trường tiêu thụ nông sản, nhất là các cây trồng thế mạnh như ớt, ngô ngọt, ngô làm thức ăn chăn nuôi, rau các loại, ...cung ứng các loại giống cây trồng, vật tư, phân bón kịp thời cho nhân dân.

- Kiểm tra hệ thống kênh mương, xây dựng phương án tiến hành nạo vét tu bổ đảm bảo tốt việc tưới, tiêu phục vụ sản xuất năm 2026.

### **5. Trưởng thôn; Ban CTMT thôn**

- Xây dựng phương án phát triển vùng trồng trên địa bàn thôn, trên cơ sở các giải pháp nêu trên, đảm bảo thực hiện thắng lợi mục tiêu chung của xã. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đạt kết quả cao nhất. Trong đó, tập trung vào các nhiệm vụ chính sau:

- + Mở rộng diện tích cây vụ đông trên đất 2 vụ lúa, nhất là cây ưa lạnh, xuất khẩu.

- + Mỗi thôn phát triển thêm ít nhất 01 mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, hướng hữu cơ;

+ Chỉ đạo, tuyên truyền, phổ biến để người dân không bỏ ruộng; khuyến khích tập trung đất đai không có nhu cầu sản xuất giao cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có nhu cầu thuê đất để tránh lãng phí;

+ Ngoài các cây trồng chính, thôn cần chú ý phát triển các cây trồng có lợi thế của từng xứ đồng.

- Tăng cường công tác thu hút đầu tư, mời gọi các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh liên kết sản xuất gắn với bao tiêu sản phẩm nông sản nhất là các sản phẩm có lợi thế của địa phương.

- Có phương án chủ động ứng phó với các tình huống thiên tai, dịch bệnh nhằm giảm đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh gây ra đối với sản xuất trồng trọt.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của tỉnh, của xã để khuyến khích đầu tư phù hợp với tiềm năng, lợi thế và nhu cầu của địa phương để thu hút vốn đầu tư cho phát triển trồng trọt trên địa bàn.

**6. Công ty TNHH MTV thủy lợi Nam Sông Mã, Đội quản lý Điện lực khu vực Yên Định** với chức năng của mình phối hợp với UBND xã, các HTX DV NN trên địa bàn chuẩn bị những điều kiện cần thiết phục vụ tốt nhất cho sản xuất.

**7. Mặt trận tổ quốc và các Đoàn thể: Hội nông dân, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh xã**

Tích cực thông tin, tuyên truyền, giám sát về chất lượng an toàn thực phẩm đối với sản phẩm Trồng trọt; tuyên truyền và vận động các tổ chức, cá nhân hưởng ứng tham gia sản xuất, xây dựng chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn; vận động và tạo điều kiện thuận lợi hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất vụ Xuân năm 2026 giành thắng lợi cả về diện tích, năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế.

Đề nghị các phòng ban chuyên môn, ban ngành đoàn thể; Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội có liên quan theo chức năng nhiệm vụ được giao phối hợp, nhằm triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển ngành trồng trọt năm 2026 đạt kết quả cao nhất./.

**Nơi nhận:**

- Sở Nông nghiệp và MT tỉnh (để b/c);
- Chi cục Trồng trọt tỉnh (để b/c);
- TTr: Đảng Ủy, HĐND xã (để b/c);
- Ban Thường vụ Đảng ủy xã (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó CT UBND xã;
- MTTQ, các Đoàn thể xã;
- Trưởng các phòng, đơn vị thuộc UBND xã;
- Thủ trưởng các đơn vị liên quan;
- Giám đốc các HTX DVNN;
- Trưởng các Thôn;
- Lưu: VT, KT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Cường**

**Phụ biểu 1: Kế hoạch diện tích gieo trồng cây hàng năm, năm 2026**

STT	Thôn	Tổng KH diện tích cây hàng năm (ha)			
		Cả năm	Vụ Đông	Vụ Xuân	Vụ Mùa
1	Sét Thôn	158.825	16.24	77.764	64.82
2	Thịnh Thôn	74.175	9.83	38.644	25.70
3	Trịnh Điện	174.005	32.34	77.304	64.36
4	Ái Thôn	165.525	31.96	73.254	60.31
5	Duyên Lộc	163.905	29.58	73.634	60.69
6	Đồng Tình	206.385	38.26	90.534	77.59
7	Duyên Hy	305.225	28.5	144.834	131.89
8	Vệ Thôn	343.245	19.38	168.404	155.46
9	Hổ Thôn	206.495	37.87	90.784	77.84
10	Tân Long	128.555	30.61	55.444	42.50
11	Kênh Thôn	199.625	31.5	90.534	77.59
12	Yên Đình	400.505	37.58	187.934	174.99
13	Yên Hoàn	321.615	26.51	154.024	141.08
14	Lang Thôn	362.465	26.8	187.804	147.86
15	Mỹ Lộc	217.945	20.1	105.394	92.45
16	Duệ Thôn	223.925	39.4	98.734	85.79
17	Yên Thôn	285.105	41.4	128.324	115.38
18	Tam Đồng	347.635	27.3	166.654	153.68
Tổng		<b>4300</b>	<b>540</b>	<b>2010</b>	<b>1750</b>

**Phụ biểu 2: Kế hoạch diện tích các cây trồng chính năm 2026**

STT	Thôn	Lúa	Ngô	Lạc	Rau đậu các loại
1	Sét Thôn	139	8.24	1.500	5.42
2	Thịnh Thôn	37	5.83	1.000	25.70
3	Trịnh Điện	139	24.34	1.200	4.96
4	Ái Thôn	136	23.96		0.91
5	Duyên Lộc	136	21.58		1.29
6	Đồng Tỉnh	157	25.26	0.500	18.19
7	Duyên Hy	207	20.5		72.49
8	Vệ Thôn	258	11.38		69.00
9	Hồ Thôn	153	29.87		18.44
10	Tân Long	95	22.61		5.90
11	Kênh Thôn	153	23.5		18.19
12	Yên Đình	280	29.58	0.100	86.00
13	Yên Hoàn	215	18.51	1.200	81.68
14	Lang Thôn	240	28.8	1.500	87.00
15	Mỹ Lộc	157	22.1	0.500	33.05
16	Duệ Thôn	159	31.4	2.500	26.39
17	Yên Thôn	190	33.4		55.98
18	Tam Đồng	250	19.3		69.40
<b>Tổng</b>		<b>3100</b>	<b>400.16</b>	<b>10</b>	<b>680.00</b>

